

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN MÔ
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ - ST

Ngày 28 tháng 9 năm 2020

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ – TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Toàn

Ông Nguyễn Văn Cử

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Xuân Ngọc – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Yên Mô

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô tham gia phiên tòa: Bà Giang Thị Quỳnh Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mô xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2020/TLST – HNGĐ ngày 07/8/ 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 09/9/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2020/QĐST - HNGĐ ngày 18/9/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Th, sinh năm 1988, có mặt.

HKTT: Xóm 2, thôn Thọ Bình, xã Yên Phong, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn Q, sinh năm 1987

HKTT: Xóm 2, thôn Thọ Bình, xã Yên Phong, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt không có lý do.

Người làm chứng: Bà Lại Thị T, sinh năm 1962, trú tại Xóm 2, thôn Thọ Bình, xã Yên Phong, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/8/2020, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay chị Th trình bày: Chị kết hôn với anh Bùi Văn Q là hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Phong, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình vào ngày 21/9/2012. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Trong suốt những năm chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh Q ham

chơi hay rượu chè không quan tâm đến cuộc sống vợ chồng. Anh Q có lời nói xúc phạm tới bố mẹ chị, mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên nhủ nhưng anh Q không sửa đổi tính nết, thường xuyên có lời nói xúc phạm đến chị và gia đình chị. Sau những lần như vậy được mọi người khuyên nhủ, chị đã bỏ qua lỗi lầm mà anh Q gây ra để vợ chồng chờ về đoàn tụ, nhưng chỉ được thời gian ngắn anh Q vẫn chứng nào tật ấy. Mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng hơn, tháng 5 năm 2020 chị sang nhà mẹ đẻ ở, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn Q.

- Về con chung: Chị và anh Q có hai con chung cháu Bùi Thị Ánh Ng, sinh ngày 23/8/2013 và cháu Bùi Tiến M, sinh ngày 16/4/2019. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con chung và yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và công nợ: Chị và anh Q tự giải quyết với nhau không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải anh Q trình bày: Anh kết hôn với chị Đinh Thị Th là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Phong vào ngày 21/9/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc bình thường, đến năm 2016 đến nay vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, hai vợ chồng không có tiếng nói chung. Do không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng do đó nhiều khi đi uống rượu về do không làm chủ được bản thân nên anh đã có hành động thiếu tế nhị, xúc phạm đến chị Th và gia đình chị Th, do nhà anh ở gần nhà bố mẹ vợ nên những lần như vậy chị Th lại bỏ sang nhà bố mẹ đẻ ở, do quá bức xúc với vợ nên có lần anh đã chửi bố mẹ vợ dẫn đến mâu thuẫn ngày một trầm trọng hơn. Nay chị Th xin ly hôn anh xét thấy vẫn còn tình cảm, anh muốn chị Th bỏ qua lỗi của anh để vợ chồng trở về đoàn tụ để nuôi dạy con chung. Nay chị Th xin ly hôn, anh muốn chị Th nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung.

- Về con chung: Anh và chị Th có hai con chung cháu Bùi Thị Ánh Ng, sinh ngày 23/8/2013 và cháu Bùi Tiến M, sinh ngày 16/4/2019. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn anh xin được nuôi cháu Bùi Thị Ánh Ng, sinh ngày 23/8/2013 còn chị Th nuôi cháu Bùi Tiến M, sinh ngày 16/4/2019. Hai bên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung và công nợ: Anh và chị Th tự giải quyết với nhau không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương về quan hệ hôn nhân; điều kiện về kinh tế cũng như các mối quan hệ đối với anh Q chị Th: Qua xác minh thể hiện anh Q chị Th là nông dân thuần túy, cần cù lao động. Riêng anh Q có nhược điểm hay uống rượu, mỗi khi uống rượu hay mắng chửi xúc phạm chị Th và gia đình nhà chị Th. Anh Q có lời nói xúc phạm đến gia đình chị Th. Về con vợ chồng anh Q chị Th có 2 con chung. Về tài sản và công nợ chính quyền không nắm được. Việc anh Q chị Th đang giải quyết ly hôn tại Tòa án chính quyền cũng xác nhận vợ chồng anh Q chị Th luôn xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn đã rất lâu từ năm 2014 nên đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tòa án tiến hành lấy lời khai cháu Bùi Thị Ánh Ng để xem xét nguyện vọng của con trên 7 tuổi: Tại buổi làm việc cháu Ng trình bày nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn cháu có nguyện vọng ở với mẹ, với lý do bố hay đánh mẹ, mẹ là người thương yêu cháu nhiều hơn.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng: bà T trình bày, bà có quan hệ là mẹ đẻ của anh Q và là mẹ chồng của chị Th. Bà T xác định mâu thuẫn vợ chồng Th Q đã xảy ra từ lâu cứ khi uống rượu về anh Q lại đánh vợ, có những lần Q đánh chị Th nhưng chốt cửa lại nên bà không can ngăn được, việc chị Th làm đơn xin ly hôn là chính đáng đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Về con đề nghị Tòa án giao cả hai cháu cho chị Th nuôi.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật : Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án, Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự: xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu không đúng thời gian. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chấp hành đúng việc triệu tập của Tòa án, bị đơn chấp hành không nghiêm, có tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải có buổi hòa giải có mặt nhưng khi thông qua biên bản đã tự ý bỏ về không nghe và không ký biên bản. Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa thì từ chối không nhận và tại phiên tòa vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn yêu cầu của chị Đinh Thị th. Xử: Ly hôn giữa chị Đinh Thị th và anh Bùi Văn Q.

Về con chung: Giao cho chị Đinh Thị Th là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Ánh Ng, sinh ngày 23/8/2013 và cháu Bùi Tiên M, sinh ngày 16/4/2019 cho đến khi các cháu thành niên

Anh Bùi Văn Q phải cấp dưỡng nuôi cháu M cùng chị Thêu mỗi tháng 1.000.000đồng kể từ tháng 9 năm 2020.

Án phí: Chị Th phải nộp án phí ly hôn; anh Q phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu của đương sự tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện thì cả nguyên đơn và bị đơn đều có hộ khẩu thường trú tại Xóm 2, Thôn Thọ Bình, xã Yên Phong, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Yên Mô thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đến phiên tòa hai lần nhưng anh Q đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa ngày 18/9/2020 tòa án tiến hành mở phiên Tòa nhưng anh Q không có mặt. Do đó Tòa án đã ra quyết định hoãn phiên tòa và phiên tòa được mở lại vào ngày 28/9/2020. Tòa án nhân dân huyện Yên Mô tiến hành xét xử vắng mặt anh Bùi Văn Q là có căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Th và anh Bùi Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Phong, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm dẫn đến mâu thuẫn. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 4 năm 2020 đến nay hai bên không còn quan tâm đến nhau. Chị Th xin ly hôn, anh Q xác định mâu thuẫn vợ chồng là có nhưng để con có bố và mẹ nên anh xin đoàn tụ; Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, khi hai bên được Tòa án báo đến làm việc, tại buổi hòa giải anh Q xác định sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nhưng vì gia đình nên anh không nhất trí ly hôn. Chị Th xác định mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng nếu Tòa án có bác đơn khởi kiện chị cũng không quay trở lại sống với anh Q, bởi anh Q đã có những xúc phạm quá lớn đối với chị và gia đình nhà chị; Anh Q có những lời nói, hành động thiếu văn hóa do vậy chị tha thiết đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn. Tòa án đã hòa giải nhiều lần với mục đích để hai bên tìm ra được tiếng nói chung thông cảm bỏ qua lỗi lầm trở về đoàn tụ nuôi dạy con chung. Sau buổi hòa giải lần thứ nhất anh Q xin thời gian để anh có cơ hội tự sửa chữa để vợ chồng đoàn tụ, trong thời gian đề nghị chính bản thân anh Q xác nhận anh không những không sửa chữa mà lại làm cho mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn, anh đã có lời nói xúc phạm đến bố mẹ chị Th. Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại biên bản xác minh chính quyền địa phương cũng xác nhận vợ chồng anh Q chị Th luôn xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn đã rất lâu từ năm 2014 nên đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Do mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra từ lâu, việc đề nghị của chị Th xin được ly hôn với anh Q là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận đề nghị của chị Th xử cho chị Đinh Thị Th được ly hôn với anh Bùi Văn Q là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Q và chị Th đều xác định trong thời kỳ hôn nhân có hai con chung: Cháu Bùi Thị Ánh Ng, sinh ngày 23/8/2013 và cháu Bùi Tiến M sinh ngày 16/4/2019.

Chị Th đề nghị nếu Tòa án giải quyết ly hôn chị xin nuôi cả hai cháu và yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh Q đề nghị khi ly hôn chia mỗi người nuôi một cháu, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Q và chị Th đều có thu nhập trung bình khoảng từ 5 đến 6 triệu đồng trên tháng. Tại phiên tòa bà Lại Thị T (mẹ đẻ của anh Q) tham gia phiên tòa trình bày mâu thuẫn vợ chồng như chị Th trình bày là đúng, nếu Tòa án

giải quyết cho ly hôn đề nghị Tòa án giao cả hai cháu cho chị Th nuôi dưỡng và yêu cầu anh Q phải góp phí tổn nuôi con cùng chị Th. Xét nguyện vọng của cháu Ng có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn cháu xin được ở với mẹ. Để các cháu được chăm sóc chu đáo học tập và phát triển về thể chất. Do đó, nên giao cho chị Th là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Bùi Thị Ánh Ng, sinh ngày 23/8/2013 và cháu Bùi Tiến M, sinh ngày 16/4/2019 cho đến khi thành niên.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, anh Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Tiến M, sinh ngày 16/4/2019 mỗi tháng 1.500.000đồng kể từ tháng 9/2020 cho đến khi cháu M thành niên là phù hợp với qui định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Anh Q chị Th không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí, quyền kháng cáo: Chị Th phải nộp án phí ly hôn, anh Q nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo qui định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39; các điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị Th ly hôn với anh Bùi Văn Q. Quan hệ hôn nhân của chị Đinh Thị Th và anh Bùi Văn Q chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho chị Đinh Thị Th là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu Bùi Thị Ánh Ng, sinh ngày 23/8/2013 và Bùi Tiến M, sinh ngày 16/4/2019 cho đến khi các cháu thành niên;

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, anh Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Tiến M, mỗi tháng 1.500.000đồng kể từ tháng 9/2020 cho đến khi cháu Minh thành niên

Kể từ ngày chị Đinh Thị Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì anh Bùi Văn Q còn phải trả số tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án, theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Án phí ly hôn: Chị Đinh Thị Th phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số AA/2016/0002317 ngày 7/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô.

Anh Q phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng)

Án xử công khai sơ thẩm, chị Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Q vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình(1)
- VKSND huyện Yên Mô(1)
- VKSND tỉnh Ninh Bình (1)
- Chi cục THADS huyện Yên Mô (1)
- UBND xã Yên Phong (1)
- Các đương sự (2)
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Phan Ngọc Hà